

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết
của Quốc hội về đổi mới Chương trình giáo dục mầm non
(Bản gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ đề nghị)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khoá XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 29); thực hiện quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 (sau đây viết tắt là Luật Giáo dục) Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) triển khai thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục mầm non (GDMN).

Thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 22/4/2024 của Văn phòng Chính phủ Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp của Ủy ban Quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo về “Đổi mới, phát triển giáo dục mầm non đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trong đó giao Bộ GDĐT triển khai xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo Chính phủ về việc đổi mới Chương trình GDMN và việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT QUỐC HỘI VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GDMN

1. Sự cần thiết đổi mới Chương trình GDMN

1.1. Chủ trương chính trị và căn cứ pháp lý

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đặt ra yêu cầu “Việc đổi mới được thực hiện ở tất cả các bậc học, chuyển mạnh quá trình giáo dục từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Đối với GDMN,

giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1; chú trọng kết hợp chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý, yêu cầu phát triển thể lực và hình thành nhân cách”.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII xác định rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn 2021-2030 nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc "*Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc... khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*" và "*Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo*". Đồng thời Văn kiện Đại hội XIII đã hướng đến xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng với yêu cầu mới: "*Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*".

Luật Giáo dục quy định GDMN là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho việc hình thành, phát triển nhân cách cũng như phát triển toàn diện cho trẻ về năng lực, phẩm chất cần thiết. Trong đó, đặc biệt quy định rõ yêu cầu về nội dung, phương pháp GDMN: "*Nội dung bảo đảm phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em; hài hòa giữa bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục trẻ em; phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, kỹ năng xã hội; phù hợp với các độ tuổi và liên thông với giáo dục tiểu học*"; "*bảo đảm tính khoa học và thực tiễn; kế thừa, thể hiện được mục tiêu, yêu cầu cần đạt ở mỗi độ tuổi, các hoạt động giáo dục, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, môi trường giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ em; thống nhất trong cả nước ...*".

Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 quy định Nhà nước có trách nhiệm cùng với gia đình và cộng đồng tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, đặc biệt quan tâm tới đối tượng trẻ em nhà trẻ, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; đảm bảo Quyền và sự công bằng với mọi trẻ em. Quy định về việc ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn để thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ trẻ em theo độ tuổi, bảo đảm công bằng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; chương trình, nội dung giáo dục phải phù hợp với từng độ tuổi, từng nhóm đối tượng trẻ em. Đồng thời, quy định về trách nhiệm của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, giáo dục trẻ em; bảo đảm điều kiện tốt nhất theo khả năng cho sự phát triển liên tục, toàn diện của trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 36 tháng tuổi.

Các cam kết của Chính phủ Việt Nam thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, bảo đảm tiếp cận dựa trên Quyền và

bình đẳng, công bằng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, thể hiện mục tiêu cao nhất là dành những gì tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của trẻ em. Cụ thể là:

- Việt Nam là quốc gia đầu tiên trong khu vực Châu Á và quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (CRC) năm 1990;

- Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 về các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDG) bảo đảm Mục tiêu chung là “Xây dựng nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người”. Đối với cấp học GDMN, bảo đảm “Tất cả trẻ em trong độ tuổi mầm non được chăm sóc, giáo dục có chất lượng để phát triển toàn diện, chuẩn bị sẵn sàng vào tiểu học” (cụ thể hóa Mục tiêu 4.2 toàn cầu);

- Tuyên bố của các nhà lãnh đạo ASEAN năm 2023 về chăm sóc và giáo dục mầm non ở Đông Nam Á, theo đó cùng nhau đồng thuận “thúc đẩy nhanh khả năng tiếp cận và tham gia của trẻ em trong chăm sóc và giáo dục mầm non có chất lượng; đảm bảo rằng chương trình và phương pháp sư phạm của ngành chăm sóc và giáo dục mầm non được xây dựng trên vui chơi, lấy trẻ em làm trung tâm, phù hợp với văn hóa và dự trên kiến thức địa phương, có khả năng thích ứng với các cuộc khủng hoảng trong tương lai; ưu tiên chăm sóc và giáo dục mầm non trong chương trình nghị sự chính trị bằng cách xây dựng các khung chính sách và pháp lý....¹”

1.2. Cơ sở khoa học

Kết quả tổng hợp các công trình nghiên cứu khoa học về GDMN và về Chương trình GDMN đã chỉ ra:

- Giai đoạn lứa tuổi mầm non là giai đoạn đặt nền móng cho sự hình thành những giá trị cốt lõi, năng lực cơ bản của mỗi người (thể chất, tính cách, đạo đức, tự lập, thích ứng, sáng tạo...).

- Giai đoạn quan trọng nhất trong đời mỗi con người diễn ra từ khi còn trong bụng mẹ cho đến 8 tuổi, đặc biệt là giai đoạn 1000 ngày đầu tiên của cuộc đời là cơ hội có một không hai để phát triển não bộ của trẻ em. Não và các kết nối thần kinh phát triển mạnh sau khi sinh với tốc độ rất cao, khi trẻ đạt 3 tuổi não bộ đạt tỷ lệ 80% khối lượng so với người trưởng thành², đây được coi là “giai đoạn vàng” của sự phát triển trong cuộc đời mỗi người.

- Các lý do để đầu tư vào giai đoạn đầu đời của trẻ như: Việc này làm cho thành tích học tập của trẻ em cao hơn, sức khỏe tốt hơn, tình hình tội phạm thấp hơn và thu nhập cá nhân cao hơn. Lợi ích tài chính khi đầu tư vào giai đoạn đầu đời của trẻ rất cao; tỷ suất lợi nhuận đầu tư vào các chương trình tuổi thơ có thể lên tới 13,7%. Trẻ em tham gia GDMN có khả năng đạt được các kỹ năng đọc viết và tính toán cơ bản cao hơn gấp đôi so với trẻ em không tham gia GDMN. Hội đồng Cố vấn kinh tế của tổng thống Mỹ đã chứng minh 1\$ đầu tư cho giáo dục 1 trẻ em ở giai đoạn đầu đời có chất lượng sẽ phát sinh lợi nhuận tích lũy là 8,60\$ khi đưa trẻ đó trưởng thành³.

¹ Tuyên bố của các nhà lãnh đạo ASEAN năm 2023 về chăm sóc và giáo dục mầm non ở Đông Nam Á

² C.A.Nelson (2000)

³ USA (2015). *The Economic of Early Childhood Investments*.

- Giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực và định hướng tình cảm - xã hội tạo ra sự phát triển hiệu quả ở từng cá nhân người học, phù hợp với trẻ em mầm non. Phát triển tình cảm - xã hội cho trẻ mầm non là tiền đề quan trọng cho việc học và phát triển toàn diện của trẻ, từ đó sẽ hình thành và phát triển ở trẻ năng lực cá nhân, trang bị cho trẻ kỹ năng sống để giúp trẻ hoà nhập vào cộng đồng xã hội, là yếu tố cần thiết giúp trẻ học tập tốt ở trường mầm non⁴.

- Chương trình giáo dục là một cấu thành quan trọng của “*nguồn lực cốt lõi*” (chương trình giáo dục, người học, người dạy, môi trường giáo dục), có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình Dạy - Học và đánh giá; là căn cứ quan trọng để xây dựng và thực hiện cơ chế hỗ trợ (Quản trị - tài chính - hiệu quả hệ thống) nhằm hướng đích hiện thực hoá mục tiêu giáo dục của cấp học⁵. Các nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)⁶ cho thấy: Chương trình GDMN và phương pháp sư phạm là một trong năm thành tố quan trọng tạo ra chất lượng GDMN (*Chương trình và phương pháp sư phạm; Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên; Giám sát và số liệu; Sự tham gia của gia đình và cộng đồng; Chuẩn chất lượng, quản trị và nguồn tài chính*⁷), thể hiện trước hết ở chất lượng phát triển của trẻ em mầm non. Chương trình GDMN là căn cứ pháp lý quan trọng để triển khai quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; huy động sự tham gia của gia đình và cộng đồng; kiểm tra giám sát chất lượng GDMN; ban hành các quy định về tổ chức, quản lý hệ thống. Ngoài ra, Chương trình GDMN cũng ảnh hưởng mang tính quyết định đến chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý GDMN.

Đây là các cơ sở khoa học quan trọng trong việc lựa chọn, định hướng xây dựng Chương trình GDMN mới ở Việt Nam.

1.3. Cơ sở thực tiễn

Chương trình GDMN được ban hành từ năm 2009⁸ đã triển khai được 15 năm (từ 2009 đến nay). Theo báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá về Chương trình và thực hiện Chương trình GDMN (các năm 2016, 2020 và 2021) cho thấy Chương trình GDMN hiện hành có nhiều ưu điểm như: Chương trình khung, có tính chất mở; đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển; bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo, liên thông với chương trình giáo dục phổ thông; thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “*chơi mà học, học bằng chơi*”.

Tuy nhiên, trước sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ và khoa

⁴ Jelena Obradović, Nicole R. Bush, Juliet Stamperdahl, Nancy E. Adler, W. Thomas Boyce (2010), "Biological Sensitivity to Context: The Interactive Effects of Stress Reactivity and Family Adversity on Socio-Emotional Behavior and School Readiness", *Child Development*. 81 (1), pp. 270–289.

⁵ Đề tài “Xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển GD-ĐT địa phương”, mã số KHGD/16-20.ĐT.013, thuộc Chương trình khoa học giáo dục Quốc gia 2016-2020, mã số KHGD/16-20.

⁶ OECD (2006); *Starting Strong II: Early Childhood Education and Care, Starting Strong*, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/9789264035461-en>.

⁷ OECD 202 b: *Starting Strong VI: Supporting Meaningful Interactions in Early Childhood Education and Care, Starting Strong*, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/f47a06ae-en>.

OECD (2021a) *Starting strong: Mapping quality in Early Childhood Education and Care* <https://quality-ecec.oecd.org/>

⁸ Chương trình ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và được sửa đổi, bổ sung vào năm 2016 và năm 2020.

học giáo dục, sự phát triển của trẻ em; trước những đòi hỏi hội nhập quốc tế, Chương trình hiện hành đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như:

- Chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới theo Nghị quyết số 29/NQ- TW của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Nghị quyết số 29/NQ-TW): Nghị quyết yêu cầu đổi mới giáo dục các cấp học theo tiếp cận năng lực để phát triển những giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, trong khi Chương trình GDMN hiện hành đang theo tiếp cận nội dung;

- Chương trình giáo dục phổ thông đã được đổi mới và triển khai thực hiện theo yêu cầu tại Nghị quyết số 29/NQ-TW, trong khi đó Chương trình GDMN là chương trình của cấp học nền móng chưa đổi mới, chưa đáp ứng quy định “Chương trình giáo dục phải bảo đảm tính liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo...” (tại Luật Giáo dục 2019, Điều 8. Chương trình giáo dục).

- Chưa đáp ứng được quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, quy định về quyền trẻ em tại Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 và những cam kết thực hiện các công ước quốc tế của Chính phủ.

- Chưa thể hiện rõ về quan điểm tiếp cận hội nhập quốc tế và quan điểm tiếp cận văn hoá, đa văn hoá để phát huy các giá trị văn hóa của địa phương, cộng đồng nơi trẻ em sinh sống và thích ứng, hòa hợp đa văn hóa, bảo tồn giá trị truyền thống tốt đẹp, đa dạng, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa của địa phương và những giá trị truyền thống của Việt Nam; Chưa quan tâm thỏa đáng đến các vấn đề thời sự của cuộc sống hiện nay và tương lai trong xu thế phát triển của thời đại và hội nhập quốc tế như: giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, công nghệ số, quyền trẻ em, bình đẳng giới, giáo dục bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu/dịch bệnh...

- Chưa thể hiện được sự đồng bộ giữa Chương trình và điều kiện thực hiện Chương trình: sự tham gia, trách nhiệm của gia đình, cộng đồng trong thực hiện Chương trình GDMN có những đặc thù nhưng chưa được quy định rõ; các điều kiện về đảm bảo chất lượng thực hiện Chương trình phát triển chưa đồng bộ, đặc biệt chưa quan tâm thỏa đáng đến đời sống và chế độ ưu đãi đối với GVMN (thời gian làm việc dài, thang bậc lương thấp, áp lực công việc, tình trạng thiếu GV kéo dài...).

1.4. Kinh nghiệm quốc tế

Từ nghiên cứu Chương trình GDMN của một số quốc gia/ vùng lãnh thổ thuộc thuộc 5 châu lục (châu Á, châu Âu, châu Mỹ, Châu Phi, châu Úc), có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng Chương trình GDMN ở Việt Nam sau năm 2020 như sau:

- Tiếp tục định hướng xây dựng Chương trình GDMN là Chương trình khung quốc gia; tính chất Chương trình khung cần được thể hiện rõ hơn.

- Trong điều kiện hiện nay của thế giới cũng như của Việt Nam, có rất nhiều quan điểm khác nhau về xây dựng Chương trình GDMN. Do đó, việc xây dựng Chương trình GDMN Việt Nam trong những năm tới cần vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận đã được thực hiện có hiệu quả của các nước tiên tiến trên thế giới vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam một cách linh hoạt. Xây dựng Chương trình giáo dục cần tiếp tục phát

triển các quan điểm giáo dục một cách phù hợp nhằm cung cấp cho trẻ cơ hội tiếp cận với nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một cách thuận lợi và chất lượng nhất.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDMN quốc gia hướng đến:

- + Mọi trẻ em Việt Nam cần được phát triển toàn diện thông qua việc tiếp cận với chăm sóc, giáo dục có chất lượng cao, công bằng và bình đẳng.

- + Hình thành nền móng các giá trị cốt lõi người công dân Việt Nam biết cách sống có trách nhiệm và quan tâm đến cộng đồng; giáo dục trẻ trở thành con người biết tôn trọng, bao dung và đầy lòng nhân ái; chuẩn bị cho trẻ trở thành con người có năng lực sáng tạo, trí tuệ và các kỹ năng sống cần thiết trong thời đại công nghiệp 4.0.

- + Chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ vào học lớp 1 và xây dựng nền tảng phát triển năng lực học tập suốt đời.

- Việc xác định nội dung của Chương trình GDMN căn cứ theo mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển của Chương trình.

- Chương trình được thiết kế với đầy đủ các thành tố của quá trình giáo dục theo cách tiếp cận hệ thống. Thể hiện quan điểm thực hiện Chương trình, mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, đánh giá, các nguyên tắc, kế hoạch thực hiện, sự chuyển tiếp với bậc học tiếp theo, hướng dẫn phát triển Chương trình phù hợp với vùng, miền hoặc theo khu vực gắn với ngôn ngữ bản địa và đa văn hóa.

- Việc xây dựng và quản lý chất lượng Chương trình được sử dụng cho hệ thống các cơ sở GDMN tuân thủ quy trình theo quy định và có sự tham gia mạnh mẽ của chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục và cha mẹ trẻ.

- Trong các điều kiện về kinh tế, xã hội khác nhau, các quốc gia trên thế giới có các nguồn lực khác nhau trong việc kêu gọi sự tham gia hỗ trợ thực hiện chương trình bằng các hình thức khác nhau từ hỗ trợ tài chính đến tham gia chuyên môn của các chuyên gia giáo dục, đóng góp kinh nghiệm của giáo viên mầm non, của các bậc phụ huynh... Đó chính là kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam trong việc xã hội hóa giáo dục huy động tất cả các tổ chức, cá nhân, các tổ chức phi chính phủ cùng tham gia xây dựng, phát triển GDMN đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

2. Sự cần thiết trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về đổi mới Chương trình GDMN

2.1. Về cơ sở thực tiễn

- Những phân tích về sự cần thiết đổi mới Chương trình GDMN cho thấy để thực hiện những chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước (Nghị quyết số 29/NQ-TW, Luật giáo dục, Luật trẻ em) Chương trình GDMN sẽ đổi mới toàn diện cả mục tiêu, nội dung, phương pháp, điều kiện thực hiện Chương trình và đặc biệt là cách tiếp cận.

- Để thực hiện đổi mới Chương trình GDMN không chỉ cần đổi mới nhận thức, sự tham gia và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non mà cần đổi mới nhận thức, sự tham gia và trách nhiệm của các cấp chính quyền, của cộng đồng, của cha mẹ trẻ và toàn xã hội.

- Việc đổi mới Chương trình GDMN sẽ cần huy động nguồn lực lớn để đảm bảo các điều kiện về đội ngũ (thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ GVMN, bổ sung

số giáo viên còn thiếu, chuẩn hoá, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình), về cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện Chương trình.

Như thế, trên phương diện thực tiễn việc đổi mới Chương trình GDMN nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội được nêu tại Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII : “*Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”; để thực hiện đổi mới Chương trình GDMN cần có Nghị quyết Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN để có căn cứ huy động nguồn lực đảm bảo các yêu cầu về đội ngũ, cơ sở vật chất, và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện Chương trình; phát huy vai trò trách nhiệm của các cấp chính quyền, gia đình, cộng đồng xã hội và cả hệ thống chính trị thực hiện đổi mới Chương trình GDMN. Thực tiễn quá trình đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

2.2. Về căn cứ pháp lý

- Khoản 3, Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội có thẩm quyền “3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”;

- Khoản 1, Điều 105 Luật Giáo dục 2019 quy định Chính phủ trình Quốc hội trước khi quyết định chủ trương về cải cách nội dung chương trình của một cấp học;

- Khoản 2, Điều 15 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Quốc hội ban hành NQQH để quy định: “e) những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội”;

Những phân tích thực tiễn cho thấy, đổi mới Chương trình GDMN nhằm đảm bảo thành công nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (được đặt ra tại Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII) nhằm phát triển toàn diện trẻ em mầm non, đặt nền móng cho sự phát triển con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nên việc ban hành Nghị quyết Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN là phù hợp với quy định tại điểm e, Khoản 2 Điều 15 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định tại Khoản 3, Điều 70 Hiến pháp năm 2013.

Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới giao cho Bộ GDĐT xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN”; Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 22/4/2024 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp của Ủy ban Quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo về “Đổi mới, phát triển GDMN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng “Nghị quyết Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN” tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội.

Như vậy, cả về phương diện thực tiễn và phương diện pháp lý đều cho thấy việc ban hành Nghị quyết quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN là cần thiết và có căn cứ.

3. Về phương án

Báo cáo đánh giá tác động đưa ra 03 phương án lựa chọn: Phương án 01 là giữ nguyên Chương trình GDMN hiện nay, Phương án 02 là điều chỉnh một số nội dung trong Chương trình GDMN, Phương án 03 là xây dựng mới Chương trình GDMN. Bộ GDĐT đề xuất lựa chọn Phương án 3. Xây dựng mới Chương trình GDMN và trình Chính phủ trình Quốc hội Nghị quyết về đổi mới Chương trình GDMN.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích xây dựng Nghị quyết

Thế chế hoá chủ trương của Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo hành lang pháp lý huy động các nguồn lực và sự tham gia, trách nhiệm của các cấp chính quyền và cả hệ thống chính trị vào việc thực hiện đổi mới Chương trình GDMN nhằm tạo chuyên biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GDMN; phát triển toàn diện trẻ em mầm non về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp 1, đặt nền móng cho việc hình thành phát triển các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Quyết định mục tiêu, yêu cầu, nội dung đổi mới Chương trình GDMN theo chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật; lộ trình thực hiện, các nguồn lực, kinh phí thực hiện đổi mới;
- Quy định trách nhiệm theo đúng thẩm quyền của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hệ thống chính trị trong việc tổ chức thực hiện đổi mới Chương trình GDMN;
- Xây dựng căn cứ pháp lý tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện đổi mới Chương trình GDMN.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định chính sách đổi mới Chương trình GDMN

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị, xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Trẻ em trong độ tuổi giáo dục mầm non từ 3 tháng đến 6 tuổi.

IV. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NỘI DUNG CỦA ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GDMN

Từ những nêu trên, đề nghị xây dựng Nghị quyết sẽ tập trung giải quyết chính sách đổi mới Chương trình GDMN, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đổi mới

Đổi mới Chương trình GDMN nhằm tạo chuyên biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GDMN đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; phát triển toàn diện trẻ em mầm non về thể chất, tình cảm, trí tuệ, ngôn ngữ và thẩm mỹ, hình thành yếu tố

đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp 1, đặt nền móng cho việc hình thành phát triển các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam.

2. Yêu cầu đổi mới

a) Kế thừa và phát triển những ưu điểm của Chương trình GDMN hiện hành, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của nền văn hóa Việt Nam và phù hợp với xu thế quốc tế, đồng thời đổi mới toàn diện mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục theo tiếp cận phát triển năng lực, dựa trên tình cảm xã hội phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ em mầm non;

b) Khắc phục những hạn chế, bất cập trong Chương trình GDMN hiện hành; giảm áp lực về thời gian làm việc của giáo viên mầm non, đồng thời đảm bảo chế độ sinh hoạt của trẻ em mầm non;

c) Đổi mới Chương trình GDMN phải phù hợp với điều kiện thực tiễn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi, học liệu của nhà trường và khả năng của trẻ em.

3. Nội dung đổi mới

Bộ GDĐT đề xuất các nội dung đổi mới, trong đó có 3 nội dung bổ sung mới và 3 nội dung kế thừa, phát triển từ Chương trình GDMN hiện hành như sau:

3.1. Những nội dung bổ sung mới

a) Tiếp cận năng lực, dựa trên tình cảm - xã hội: Chương trình được đổi mới theo tiếp cận năng lực hướng đến hình thành các giá trị cốt lõi và năng lực chung, dựa trên trực tình cảm - xã hội. Tiếp cận năng lực được thể hiện qua mục tiêu, nội dung của Chương trình và kết quả mong đợi ở từng lĩnh vực; định hướng phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ; được thống nhất phối hợp thực hiện giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng;

b) Tiếp cận dựa trên Quyền trẻ em: quan tâm thể hiện quan điểm tiếp cận hoà nhập, công bằng, bình đẳng và tôn trọng trẻ, vấn đề GD trẻ em có nhu cầu đặc biệt, vấn đề phát triển ngôn ngữ (lưu ý tiếng mẹ đẻ) trong xây dựng và phát triển Chương trình GDMN;

e) Bổ sung quy định về các điều kiện bảo đảm thực hiện Chương trình GDMN mới, nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của gia đình và cộng đồng. Gia đình là một đối tác quan trọng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, mọi vấn đề trong giáo dục trẻ em cần và phải thu hút, huy động sự tham gia của gia đình cùng giải quyết với nhà trường. Yêu cầu thực hiện Chương trình làm cơ sở để các địa phương và nhà trường có chính sách huy động nguồn lực, bảo đảm quyền trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo nhu cầu phát triển và bảo đảm quyền của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo Bộ Luật Lao động.

3.2. Những nội dung kế thừa, phát triển từ Chương trình GDMN hiện hành

c) Thể hiện rõ hơn quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm, xem trẻ em là chủ thể trong hoạt động và giao tiếp, trẻ chủ động học qua chơi và trải nghiệm, nhà giáo dục là “người hỗ trợ trẻ em phát triển liên tục”;

d) Liên thông với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, bổ sung nội dung, phương pháp giáo dục mới.

- Các lĩnh vực giáo dục của Chương trình GDMN được thiết kế theo hướng liên thông với nội dung chương trình giáo dục tiểu học (Chương trình GD phổ thông 2018);

- Cập nhật các nội dung, phương pháp, vấn đề hiện đại, hội nhập quốc tế về quan điểm xây dựng chương trình, quan tâm các vấn đề thời sự của cuộc sống hiện nay và tương lai trong xu thế phát triển của thời đại; tiếp cận với Chương trình GDMN tiên tiến trong khu vực và quốc tế, tiếp cận với các phương pháp giáo dục tiên tiến, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế;

- Cá nhân hóa quá trình giáo dục, quan tâm phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội ở trẻ; cụ thể hóa mục tiêu, nội dung giáo dục ở từng độ tuổi hướng đến hình thành những chức năng tâm sinh lí, phẩm chất và năng lực tương ứng, đảm bảo nguyên tắc đồng tâm phát triển, liên thông chặt chẽ giữa các thành tố và nội dung của Chương trình;

- Tôn trọng các giá trị văn hóa, tiếp cận đa văn hoá, phát huy các giá trị văn hóa của địa phương, cộng đồng; thích ứng và hòa hợp đa văn hóa đồng thời bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp; giữ gìn bản sắc văn hóa của địa phương, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ và những giá trị truyền thống của quốc gia Việt Nam;

đ) Tăng cường tính “mở” của Chương trình

- Chương trình trao quyền nhiều hơn cho nhà trường trong phát triển Chương trình Giáo dục, tăng cường quyền và năng lực tự chủ trong phát triển Chương trình giáo dục của cơ sở giáo dục.

- Mở rộng trách nhiệm, sự tham gia của gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện Chương trình GDMN.

4. Giải pháp thực hiện đổi mới

4.1. Xây dựng Chương trình GDMN mới

Bộ GD&ĐT đã tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN hiện hành; tổng quan chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về đổi mới Chương trình GDMN; nghiên cứu cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế trong đổi mới Chương trình GDMN; xây dựng quan điểm, định hướng đổi mới Chương trình GDMN; tổ chức thử nghiệm một số nội dung mới và hoàn thiện dự thảo Chương trình GDMN mới; thẩm định Chương trình GDMN mới trước khi thí điểm.

4.2. Thí điểm thực hiện Chương trình GDMN mới

- Xây dựng quy trình; lựa chọn các đơn vị thí điểm.

- Biên soạn tài liệu, tập huấn hướng dẫn CBQL, GVMN thực hiện Chương trình GDMN mới (giai đoạn thí điểm).

- Hỗ trợ các đơn vị thí điểm đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN mới.

- Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện thí điểm; theo dõi, kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật quá trình thí điểm trong 3 năm học (2025-2028).

- Đánh giá tính phù hợp về nội dung và xác thực về độ tuổi của kết quả mong đợi trong Dự thảo Chương trình GDMN mới trong 3 năm học (2025-2028).

- Tổng kết, đánh giá việc thí điểm thực hiện Chương trình GDMN mới.

4.3. Đánh giá độc lập thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới

Bộ GDĐT tổ chức đánh giá độc lập việc chuẩn bị và triển khai thí điểm thực hiện Chương trình GDMN mới từ năm học 2025 - 2026 đến 2027 - 2028 để rút kinh nghiệm và điều chỉnh trước khi triển khai áp dụng đại trà trên phạm vi toàn quốc.

4.4. Ban hành, triển khai thực hiện Chương trình GDMN mới

- Hoàn thiện, ban hành Chương trình GDMN mới.
- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình GDMN mới.

- Đảm bảo các điều kiện triển khai thực hiện đổi mới Chương trình GDMN.
+ Tập huấn, hướng dẫn đội ngũ CBQL, GVMN thực hiện Chương trình GDMN mới;
+ Ban hành Đề án đổi mới Chương trình GDMN và các đề án khác có liên quan nhằm bảo đảm đồng bộ các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi, học liệu để thực hiện đổi mới Chương trình GDMN mới;

+ Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để quy chuẩn các điều kiện và nguồn lực đầu tư các điều kiện về đội ngũ; cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi, học liệu; tổ chức hoạt động cơ sở giáo dục để đảm bảo chất lượng thực hiện Chương trình GDMN mới.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành

a) Chính phủ phê duyệt và chỉ đạo thực hiện Đề án đổi mới Chương trình GDMN và các đề án khác có liên quan nhằm bảo đảm đồng bộ các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi, học liệu để thực hiện đổi mới Chương trình GDMN mới. Chỉ đạo việc thực hiện đổi mới Chương trình GDMN; hằng năm đánh giá kết quả thực hiện trong báo cáo của Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trình Quốc hội.

b) Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội giám sát việc triển khai thực hiện đổi mới Chương trình GDMN mới; Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thực hiện đổi mới Chương trình GDMN mới trong phạm vi trách nhiệm của mình.

c) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai thực hiện đổi mới Chương trình GDMN.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành

Các điều kiện đảm bảo sẽ được thực hiện ở Đề án thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi và Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho GDMN và giáo dục phổ thông giai đoạn 2024 - 2030.

2.3. Về kinh phí

2.3.1. Nhu cầu kinh phí

- Kinh phí xây dựng Chương trình GDMN mới: dự kiến 18 tỷ 300 triệu;
- Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn đội ngũ CBQL, GVMN để thực hiện Chương trình GDMN mới: Bộ GDĐT tiếp tục nghiên cứu và bổ sung trong quá trình xây dựng Nghị quyết.
- Kinh phí đảm bảo đội ngũ CBQL, GVMN: Nhu cầu kinh phí này được thực hiện ở Đề án thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi.
- Kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện Chương trình: Nhu cầu kinh phí này được thực hiện tại Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho GDMN và giáo dục phổ thông giai đoạn 2024 - 2030.

2.3.2. Nguồn kinh phí

- a) Kinh phí thực hiện đổi mới Chương trình GDMN do ngân sách nhà nước bảo đảm và huy động từ xã hội. Kinh phí từ ngân sách nhà nước được nêu trong dự toán ngân sách hằng năm do Chính phủ trình Quốc hội theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;
- b) Ưu tiên hỗ trợ đầu tư kinh phí cho các địa phương miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn để bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện đổi mới Chương trình GDMN mới.

3. Đánh giá tác động thủ tục hành chính (không có)

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Quá trình xây dựng dự thảo lập đề nghị xây dựng Nghị quyết Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1.1. Thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Bộ GDĐT xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN, Bộ GDĐT đã tiến hành xây dựng dự thảo hồ sơ theo quy định của Luật ban hành văn bản, tổ chức các hội thảo xin ý kiến chuyên gia, gửi dự thảo Hồ sơ xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương; đăng lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ GDĐT để xin ý kiến của nhân dân. Tổng hợp, giải trình, tiếp thu, ý kiến các bộ ngành, các địa phương, hoàn thiện Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

1.2. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện Hồ sơ trình Chính phủ phê duyệt Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết vào tháng 6/2024.

1.3. Lập hồ sơ xây dựng Nghị quyết quốc hội, đăng mạng xin ý kiến rộng rãi của nhân dân, xin ý kiến của các bộ, ngành có liên quan; tiếp thu, giải trình các ý kiến, hoàn thiện Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

1.4. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ Nghị quyết trình Chính phủ xem xét, cho phép trình Quốc hội và đề nghị bổ sung dự thảo Nghị quyết vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.

2. Về lộ trình thực hiện

Từ năm 2025 đến năm 2028 tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non thực hiện Chương trình; triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới ở một số cơ sở GDMN (3 năm học từ 2025 - 2026 đến năm học 2027 - 2028); đánh giá độc lập quá trình thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

Năm 2029 đến năm 2030 thẩm định, ban hành Chương trình GDMN mới; hướng dẫn thực hiện và triển khai đại trà Chương trình GDMN mới trên phạm vi toàn quốc (từ năm học 2029 – 2030).

3. Thời gian dự kiến trình thông qua dự thảo Nghị quyết

Thời gian dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua đối với dự thảo Nghị quyết vào kỳ họp tháng 5 năm 2025 của Quốc hội khóa XV và thông qua theo quy trình một kỳ họp.

VII. VỀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

Ngày/...../2024, Hội đồng thẩm định đã họp và có ý kiến thẩm định về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết này (*chi tiết tại Báo cáo tiếp thu, giải trình thẩm định kèm theo*).

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Bộ GDĐT đã huy động một số chuyên gia, nhà khoa học về giáo dục và GDMN tham gia biên soạn dự thảo văn bản và các báo cáo liên quan. Thời gian tới, Bộ GDĐT tiếp tục xin ý kiến các chuyên gia giáo dục, các nhà khoa học, các đơn vị theo quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là nội dung Tờ trình của Bộ GDĐT về việc đề nghị xây dựng, trình Quốc hội ban hành Nghị quyết Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN.

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo: (1) *Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết về đổi mới Chương trình*; (2) *Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định*; (3) *Báo cáo đánh giá tác động chính sách*; (4) *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ và các cơ quan, tổ chức khác và bản chụp ý kiến góp ý*; (5) *Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết*.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Thành viên Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc (để p/h);
- Vụ KGVX, Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, GDMN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Chi